

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC NGÀNH QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO
(Ban hành kèm theo Quyết định số 891b/QĐ-TDTTBN ngày 29 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh)

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo ngành Quản lý TDTT do Khoa Quản lý TDTT xây dựng, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh thẩm định và ban hành. Chương trình có tham khảo các chương trình của Trường Đại học Tổng hợp Thể dục thể thao, Thanh niên và Du lịch Quốc gia Nga (Liên bang Nga), Đại học TDTT Leipzig (Đức), Trường Đại học TDTT Bắc Kinh (Trung Quốc), Học viện TDTT Thượng Hải (Trung Quốc), Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh, Trường đại học TDTT Đà Nẵng ...Chương trình được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp cũng như đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Người học khi tham gia chương trình được đào tạo không chỉ về kiến thức mà còn được rèn luyện cả về kỹ năng, thái độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam cũng như một số yêu cầu quốc tế khác đối với năng lực của người lao động trong thế kỷ 21.

1.2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình	Quản lý thể dục thể thao
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Quản lý thể dục thể thao
Mã ngành	7810301
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Thời gian đào tạo	4 năm
Số tín chỉ	123
Loại bằng	Cử nhân
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Quản lý thể dục thể thao

1.3. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình

Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức xã hội, sức khỏe và tài năng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong lĩnh vực Thể thao; có khả năng sáng tạo và thích nghi với môi trường làm việc trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0; có khả năng tự đào tạo và học tập suốt đời để phát triển chuyên môn nghề nghiệp trong lĩnh vực Thể thao.

1.4. Mục tiêu của chương trình

- **Mục tiêu chung:** Mục tiêu của chương trình là đào tạo cử nhân ngành Quản lý TDTT. Những người tốt nghiệp chương trình này có trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức phục vụ nhân dân; bảo vệ tổ quốc và hội nhập quốc tế. Chương trình đào tạo trang bị cho người học nền tảng kiến thức vững chắc, kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu và phẩm chất đạo đức nghề

nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, để sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhận nhiều vai trò khác nhau, từ nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, đến huấn luyện, quản lý và phát triển cộng đồng và giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Thể thao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Mục tiêu cụ thể:

M ã	Mô tả
P O 1	Có kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về khoa học quản lý và các kiến thức liên ngành
P O 2	Có kiến thức đầy đủ, hệ thống và hiện đại về khoa học quản lý TDTT, phương pháp tổ chức quản lý TDTT
P O 3	Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý TDTT và khoa học giáo dục.
P O 4	Sử dụng thành thạo các kỹ năng quản lý TDTT: lập kế hoạch, thiết kế và tổ chức các hoạt động TDTT xã hội.
P O 5	Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề khoa học quản lý TDTT.
P O 6	Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động tổ chức quản lý TDTT
P O 7	Có một số năng lực khác như năng lực giao tiếp; năng lực tự học suốt đời; năng lực quản lý thời gian và tổ chức cuộc sống, thích ứng với những biến động của cuộc sống và xã hội; năng lực làm việc theo nhóm, hợp tác, chia sẻ.
P O 8	Tuân thủ hiến pháp và luật pháp, có thái độ sống trung thực, trách nhiệm, có kỉ luật, tuyên truyền, vận động, tham gia các hoạt động xã hội có ích cho cộng đồng.
P O 9	Rèn luyện đạo đức, tác phong; yêu nghề, say mê nghiên cứu và có ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam.
P O	Truyền tải và gìn giữ các giá trị của văn hóa truyền thống của Việt Nam và địa phương, phát huy các giá trị phù hợp với thời đại hội nhập, xây dựng các phẩm chất năng động,

1	hội nhập của công dân toàn cầu.
0	

1.5. Chuẩn đầu ra

TT	Nội dung	Mức TĐNL
1.	Về kiến thức	
PLO1.1	Nắm được những vấn đề cơ bản về nguyên lý chủ nghĩa Mac-Lênin. Hiểu về đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam, nắm vững những điểm chính về Tư tưởng Hồ Chí minh.	2
PLO1.2	Hiểu biết căn bản về thực trạng và xu hướng của hoạt động kinh tế liên quan đến lĩnh vực thể dục thể thao trong nước và quốc tế.	2
PLO1.3	Nắm vững những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý nói chung và quản lý TĐTT nói riêng, đáp ứng nhu cầu hoạt động quản lý trong lĩnh vực TĐTT.	2
PLO1.4	Hiểu rõ những lý thuyết cơ bản về công tác quản lý TĐTT: Các chức năng, nhiệm vụ của quản lý. Nắm vững các vấn đề về pháp luật liên quan tới hoạt động quản lý của tổ chức xã hội có hoạt động TĐTT	2
PLO1.5	Biết ứng dụng những kiến thức được trang bị vào việc quản lý lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo cũng như nắm được phương pháp và quy trình nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý TĐTT.	3
PLO1.6	Nắm được kiến thức và kỹ thuật cơ bản một số môn thể thao	3
PLO1.7	Biết tổ chức các hoạt động phong trào và thi đấu TĐTT.	3
PLO1.8	Nắm được nội dung, quy trình và phương pháp quản lý đối với các lĩnh vực hoạt động TĐTT: Quản lý sân bãi; Quản lý TĐTT quần chúng; Quản lý TĐTT thành tích cao; Quản lý TĐTT giải trí; Quản lý các hợp đồng kinh doanh trong lĩnh vực TĐTT...	3
PLO1.9	Nắm vững nội dung, phương pháp cũng như hiểu được sự cần thiết và tầm quan trọng của việc xây dựng chiến lược quản lý cho các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực TĐTT.	2
2.	Về kỹ năng	
PLO2.1	Kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá các thông tin có tính chất phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo trong lĩnh vực quản lý hoạt động TĐTT.	2
PLO2.2	Kỹ năng vận dụng kiến thức khoa học quản lý nói chung và quản lý TĐTT nói riêng như công tác lập kế hoạch, xúc tiến quá trình	2

	quản lý... vào quản lý các cơ sở TDTT và cộng đồng.	
PLO2.3	Vận dụng được các quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý TDTT trong giải quyết công việc.	2
PLO2.4	Kỹ năng tư vấn và phát triển TDTT trong xã hội.	3
PLO2.5	Kỹ năng tổ chức các hoạt động TDTT cơ sở, kỹ năng giảng dạy môn quản lý TDTT và nghiên cứu khoa học theo hướng quản lý TDTT.	3
PLO2.6	Vận dụng và thao tác được những kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn cơ bản về quản lý (Quản lý nhân sự, quản lý chiến lược, quản lý tài chính, quản lý Marketing trong TDTT, quản lý sân bãi dụng cụ...)	3
PLO2.7	Thiết lập và quản lý các chiến lược kinh doanh cho doanh nghiệp và tổ chức có hoạt động TDTT.	2
PLO2.8	Tổ chức, lãnh đạo và điều hành hoạt động của câu lạc bộ với vai trò của một nhà quản trị cấp cơ sở hoặc cấp trung gian.	2
PLO2.9	Có khả năng làm việc độc lập và khả năng thuyết trình tốt.	3
PLO2.10	Biết tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả	3
PLO2.11	Có kỹ năng giải quyết nhiều loại công việc cùng lúc trong phục vụ TDTT cho mọi người.	2
PLO2.12	Biết sử dụng tổng hợp các kỹ năng trong giao tiếp như: Đàm phán, giao tiếp, đặc câu hỏi, thuyết trình, xử lý các tình huống trong quá trình hoạt động TDTT.	3
PLO2.13	Tối thiểu đạt trình độ đăng cấp III ba môn thể thao.	3
PLO2.14	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Có trình độ tin học cơ bản.	3
3.	<i>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>	
PLO3.1	Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp. Nắm vững chủ trương chính sách của đảng và pháp luật nhà nước, đặc biệt là đường lối của đảng trong lĩnh vực TDTT.	3
PLO3.2	Có phương pháp làm việc khoa học, chuyên nghiệp, có tính tự chủ và sáng tạo trong công việc.	3
PLO3.3	Có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành tốt các quy định của nhà nước và của cơ quan	3
PLO3.4	Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc được giao. Có lòng yêu nghề và đạo đức nghề nghiệp.	3

PLO3.5	Có tinh thần đoàn kết, cầu tiến, thái độ thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân bên ngoài đơn vị.	3
PLO3.6	Tự tin, mạnh dạn trong hoạt động và công tác.	3

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau tốt nghiệp ngành Quản lý TDDT có thể công tác tại:

Nhóm 1: Có khả năng làm việc tại các cơ quan nhà nước, bao gồm các Bộ, Sở, Phòng, Ban các cơ quan về TDDT từ Trung ương đến địa phương.

Nhóm 2: Làm việc cho các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ TDDT ... như nhân viên tư vấn, hướng dẫn tổ chức tập luyện và hoạt động TDDT.

Nhóm 3: Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế có các hoạt động liên quan đến TDDT, như các Câu lạc bộ, Liên đoàn, Hiệp hội ...

Nhóm 4: Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về TDDT như: Các trường đại học, cao đẳng, trung tâm, viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan đến TDDT.

1.6. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.6.1. Tiêu chuẩn nhập học

Trường Đại học TDDT Bắc Ninh tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm. Đề án tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học TDDT Bắc Ninh.

Các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức xét tuyển khác nhau phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của từng phương thức xét tuyển, thực hiện đăng ký đúng theo đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh của Nhà trường. Sau thời hạn nộp hồ sơ đăng ký, Nhà trường sẽ xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển.

Thí sinh trúng tuyển nhập học theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, các sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình đào tạo của Nhà trường.

1.6.2. Quy trình đào tạo

Nhà trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ tuân thủ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Hoạt động đào tạo được tổ chức như sau:

Một năm học gồm 02 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè, nghỉ Tết.

Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí.

Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.

Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Trước khi các học kỳ bắt đầu, Nhà trường công bố học phần học tập của từng kỳ, mức đóng học phí. Sinh viên đi học theo thời khóa biểu đã công bố và thực hiện hoạt động học tập theo hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình học tập và kỳ thi cuối kỳ, giảng viên sẽ đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Kết quả học tập từng học phần của sinh viên được nhập vào phần mềm quản lý đào tạo và công bố cho sinh viên tra cứu trên website của Trường. Khi sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo thì Nhà trường sẽ tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

1.6.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo chuyên ngành.

Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

Đạt các học phần hoặc có chứng chỉ GDQP-AN.

Đạt các điều kiện của chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và điểm rèn luyện.

Có đơn gửi Khoa/Trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học.

1.7. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá

1.7.1. Các chiến lược dạy - học

Chiến lược dạy và học của Nhà trường bám sát triết lý giáo dục: “Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người sau quá trình đào tạo trở thành công dân tốt, phát huy hiệu quả tốt nhất năng lực của bản thân, mang lại giá trị cao cho cộng đồng”. Nhà trường khuyến khích giảng viên phát huy tiềm năng trí tuệ, không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm và đề cao giá trị nhân văn trong tổ chức và triển khai các hoạt động dạy - học nhằm mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Cụ thể, thực hiện các chiến lược dạy - học sau:

Thực hiện đào tạo tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ; học tập kết hợp với trải nghiệm trong chương trình đào tạo;

Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, học tập chủ động;

Lượng hóa đánh giá kết quả học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

1.9.2. Phương pháp giảng dạy

TT	Mã PP	Tên PP	Nhóm PP
1	PPD1.1	Phương pháp động não	Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập chủ động
2	PPD1.2	Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ	
3	PPD1.3	Phương pháp học dựa trên vấn đề	
4	PPD1.4	Phương pháp hoạt động nhóm	
5	PPD1.5	Phương pháp đóng vai	
6	PPD2.1	Học dựa vào dự án	Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập qua trải nghiệm
7	PPD2.2	Mô phỏng	
8	PPD2.3	Nghiên cứu tình huống	
9	PPD2.4	Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng	

1.9.3. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Mã PP	Tên PP
1	PDG1	Đánh giá ý thức và thái độ học tập
2	PDG2	Đánh giá hồ sơ học phần
3	PDG3	Đánh giá theo hình thức vấn đáp
4	PDG4	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm
5	PDG5	Đánh giá theo hình thức tự luận
6	PDG6	Đánh giá theo hình thức thực hành
7	PDG7	Đánh giá viết báo cáo
8	PDG8	Đánh giá thuyết trình

a. Đánh giá học phần:

Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

Đối với các học phần GDQP-AN, chỉ đánh giá theo mức **Đạt** và **Không đạt** và không được tính vào điểm tích lũy.

*Lưu ý: để được đánh giá **Đạt** các học phần GDQP-AN, sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian theo kế hoạch học tập và kết quả đánh giá học phần theo thang điểm 10 phải từ 5,0 trở lên.*

Các phương pháp đánh giá học phần: Tùy theo nội dung học tập, kết quả học tập mong đợi của học phần mà giảng viên thiết kế các phương án đánh giá học phần khác nhau. Việc đánh giá kiến thức có thể thực hiện qua các bài kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm ... Thông qua quan sát, theo dõi việc thực hiện qua các bài thực hành, triển khai các hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên, các bài viết liên hệ thực tiễn ... giảng viên đánh giá kỹ năng, thái độ người học.

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Đánh giá quá trình	40%
1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập - Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. - Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	10%
1.2. Đánh giá giữa kì - Nếu số tín chỉ lí thuyết ≤ 3 thì tổ chức 1 lần kiểm tra. - Nếu số tín chỉ lí thuyết ≥ 4 thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.	30%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần - <i>Học phần chỉ có lí thuyết</i> : điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kì và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...). - <i>Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án</i> : điểm đánh giá cuối kì là trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án. - <i>Học phần có cả lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lí thuyết và đồ án</i> : điểm đánh giá cuối kì là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.	60%
3. Công thức tính điểm học phần 3.1. Học phần chỉ có lí thuyết Điểm học phần lí thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.3 + a_3 \times 0.6$ Trong đó, a: điểm học phần; a ₁ : điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a ₂ : điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a ₃ : điểm đánh giá thi kết thúc học phần. 3.2. Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án, được làm tròn đến một chữ số thập phân. 3.3. Học phần bao gồm cả lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lí thuyết và đồ án	

$$a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.3 + (a_3 \times m + a_4 \times n) \times 0.6 / (m + n).$$

Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a₁: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a₂: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a₃: điểm đánh giá thi kết thúc phần lí thuyết; a₄: điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án; m: số tiết lí thuyết; n: số tiết thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.

3.4. Học phần thực tập cuối khóa

- Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:

$$a = a_1 \times 0.5 + a_2 \times 0.5$$

Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a₁: điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn; a₂: điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.

b. Quy trình cho điểm:

Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo.

c. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Qui đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	4,0
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5
	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5
	4,0 ÷ 4,9	D	1,0
Không đạt	0 ÷ 3,9	F	0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH HỌC

2.1. Cấu trúc và nội dung chương trình

a. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Các môn đại cương	30	
2. Kiến thức cơ sở ngành		
	18	+ Bắt buộc
	23	+ Tự chọn
3. Các môn kiến thức ngành		
	23	+ Bắt buộc
	15	+ Tự chọn
4. Thực tập nghiệp vụ và khoá luận tốt nghiệp		
<i>4.1. Thực tập nghiệp vụ</i>	8	
<i>4.2. Khoá luận tốt nghiệp/ học phần thay thế</i>	6	
Tổng số	123	

b. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
A	Các môn đại cương		38		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	1ĐC301/ 1ĐC302	5	HK 1,2	
2	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	1ĐC303	3	HK 3	1ĐC301/ 1ĐC302
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1ĐC304	2	HK3	1ĐC302
4	Ngoại ngữ	1ĐC201/1ĐC202	6	HK 1,2	
5	Tin học đại cương	1ĐC103	2	HK 6	
6	Tâm lý học đại cương	1TL101	2	HK 3	
7	Giáo dục học đại cương	1TL201	2	HK 4	
8	Thống kê toán học	1ĐC101	2	HK 3	
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1ĐC106	2	HK 4	1ĐC101
10	Quản lý hành chính nhà nước	1QL201	2	HK 2	
11	Pháp luật đại cương	1QL101	2	HK 2	
B	Kiến thức cơ sở ngành		41		
	I. Bắt buộc				
1	Tâm lý học Thể dục thể thao	1TL102HYQ	2	HK 5	1TL101
2	Giáo dục học Thể dục thể thao	1TL202HYQ	2	HK 6	1TL201

3	Sinh lý Thể dục thể thao	1YS301/1YS302	4	HK 5,6	1YS701
4	Giải phẫu Thể dục thể thao	1YS701	2	HK 2	
5	Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền kinh	1ĐK007GYQ	2	HK 2	
6	Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục	1TD007GYQ	2	HK 1	
7	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội	1BL007GYQ	2	HK 3	
8	Tâm lý học quản lý	1TL104Q	2	HK 7	1TL101
	II. Tự chọn 1 (11/23 tín chỉ)				
9	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất	1LL001GYQ/ 1LL002GYQ	4	HK 5,6	
10	Lịch sử Thể dục thể thao	1LL07			
11	Vệ sinh Thể dục thể thao	1YS201	2	HK 2	
12	Hồi phục Thể thao	1YS601HQ	2		
13	Y học Thể dục thể thao	1YS101	3	HK 7	1YS701
14	Dinh dưỡng Thể thao	1YS402HQ	2		
15	Sinh hóa Thể dục thể thao	1YS401GHQ	2		
16	Sinh cơ Thể dục thể thao	1YS501GHQ	2		
17	Đo lường Thể thao	1ĐC102	2	HK 5	1ĐC101
18	Văn hóa thể thao	1TL204	2		
	III. Tự chọn 2 (12/30 tín chỉ)				
19	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	1BB007GYH	2		
20	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném	1BN007GYQ	2		
21	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	1BR007GYQ	2	HK 4	
22	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	1VO007GYQ	2	HK 6	
23	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	1QV007GYQ	2	HK 5	
24	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	1BD007GYQ	2	HK 5	
25	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	1BC007GYQ	2	HK 6	

26	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông	1CL007GYQ	2		
27	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua	1CV007GYQ	2		
28	Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc vũ đạo	1TD007GYQ	2		
29	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	1GO007GYQ	2	HK 5	
30	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng	1BS007GYQ	2		
31	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật	1VA007GYQ	2		
32	Lý luận và phương pháp giảng dạy Đá cầu	1BD008GQ	2		
33	Lý luận và phương pháp giảng dạy môn Thể thao dân tộc	1BS008GYQ	2		
C	Các môn kiến thức ngành		38		
	Chuyên ngành Quản lý TDTT				
	I. Bắt buộc				
1	Văn bản lưu trữ	1QL214Q	2	HK 8	1QL201
2	Kế hoạch hóa Thể dục thể thao	1QL210Q	2	HK 2	
3	Khoa học quản lý	1QL208Q/ 1QL209Q	4	HK 1,2	
4	Quản lý Thể dục thể thao				
4,1	Quản lý TDTT quần chúng	1QL203G	2	HK 3	1QL208Q/ 1QL209Q
4,2	Quản lý TTTT cao	1QL204H	2	HK 3	1QL208Q/ 1QL209Q
5	Xã hội học Thể dục thể thao	1QL305Q/ 1QL306Q	4	HK 6,7	1QL208Q/ 1QL209Q
6	Kinh tế học Thể dục thể thao	1QL302Q/ 1QL303Q	4	HK 4,5	1QL208Q/ 1QL209Q
7	Báo chí và truyền thông Thể thao	1QL309Q	3	HK 4	1QL203G 1QL204H
	II.Tự chọn (14/22 tín chỉ)				
8	Pháp lý Thể dục thể thao	1QL102Q	222		

9	Marketing Thể thao	1QL307Q	3	HK 7	1QL302Q/ 1QL303Q
10	Đường lối Thể dục thể thao của Đảng cộng sản Việt Nam	1QL103HYQ	2		
11	Tin học trong quản lý		2		
12	Tổ chức quản lý thi đấu Thể dục thể thao	1QL218Q	3	HK 6	1QL210Q
13	Quản lý Thể dục thể thao giải trí	1QL215Q/ 1QL217Q	6	HK 4,5	1QL208Q/ 1QL209Q
14	Toán kinh tế	1DC105Q	2		
15	Quản lý sân bãi, công trình Thể dục thể thao	1QL207Q	3	HK 8	1QL210Q
D	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp		14		
1	Thực tập nghiệp vụ lần 1	1TT001	3	HK 5	
2	Thực tập nghiệp vụ lần 2	1TT002	5	HK 7	
3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế	1LV001	6	HK 8	
	Học phần chuyên môn thay thế:				
1	Quản lý hoạt động thể dục thể thao xã hội	1QL206Q	3	HK 8	
2	Học phần chuyên môn thay thế 2	1QL208Q/ 1QL209Q	3	HK 8	
	Tổng số tín chỉ		123		

2.2. Ma trận liên kết các học phần và CDR

TT	Học phần		Chuẩn đầu ra																														
			Kiến thức									Kĩ năng															Mức độ tự chủ và trách nhiệm						
	Mã HP	Tên Hp	P L O 1. 1	P L O 1. 2	P L O 1. 3	P L O 1. 4	P L O 1. 5	P L O 1. 6	P L O 1. 7	P L O 1. 8	P L O 1. 9	P L O 2. 1	P L O 2. 2	P L O 2. 3	P L O 2. 4	P L O 2. 5	P L O 2. 6	P L O 2. 7	P L O 2. 8	P L O 2. 9	P L O 2. 10	P L O 2. 11	P L O 2. 12	P L O 2. 13	P L O 2. 14	P L O 3. 1	P L O 3. 2	P L O 3. 3	P L O 3. 4	P L O 3. 5	P L O 3. 6		
A	Các môn đại cương																																
1	1ĐC301 /1ĐC302	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
2	1ĐC303	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0
3	1ĐC304	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0
4	1ĐC201/ 1ĐC202	Ngoại ngữ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	1
5	1ĐC103	Tin học đại cương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	1
6	1TL101	Tâm lý học đại cương	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0
7	1TL201	Giáo dục học	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0

[illegible]

TT	Học phần		Chuẩn đầu ra																														
			Kiến thức									Kĩ năng															Mức độ tự chủ và trách nhiệm						
	Mã HP	Tên Hp	P L O 1. 1	P L O 1. 2	P L O 1 3	P L O 1. 4	P L O 1. 5	P L O 1. 6	P L O 1. 7	P L O 1. 8	P L O 1. 9	P L O 2. 1	P L O 2. 2	P L O 2. 3	P L O 2. 4	P L O 2. 5	P L O 2. 6	P L O 2. 7	P L O 2. 8	P L O 2. 9	P L O 2. 10	P L O 2. 11	P L O 2. 12	P L O 2. 13	P L O 2. 14	P L O 3. 1	P L O 3. 2	P L O 3. 3	P L O 3. 4	P L O 3. 5	P L O 3. 6		
	chỉ)																																
9	1LL001 GYQ/ 1LL002 GYQ	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất	0	0	0	1	2	2	3	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0
10	1YS201	Vệ sinh Thể dục thể thao	0	0	2	0	2	0	0	0		2	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	2	
11	1YS101	Y học Thể dục thể thao	0	0	2	0	2	0	0	0		1	0	0	0	0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	2	
12	1ĐC102	Đo lường Thể thao	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	
13	1LL07	Lịch sử Thể dục thể thao	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	
14	1YS601 HQ	Hồi phục Thể thao	0	1	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	
15	1YS402 HQ	Dinh dưỡng Thể thao	0	0	2	0	2	0	0	0		2	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	2	
16	1YS401 GHQ	Sinh hóa Thể dục thể thao	0	0	2	0	2	0	0	0		1	0	0	0	0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	2	

TT	Học phần		Chuẩn đầu ra																															
			Kiến thức									Kĩ năng															Mức độ tự chủ và trách nhiệm							
	Mã HP	Tên Hp	P L O 1. 1	P L O 1. 2	P L O 1 3	P L O 1. 4	P L O 1. 5	P L O 1. 6	P L O 1. 7	P L O 1. 8	P L O 1. 9	P L O 2. 1	P L O 2. 2	P L O 2. 3	P L O 2. 4	P L O 2. 5	P L O 2. 6	P L O 2. 7	P L O 2. 8	P L O 2. 9	P L O 2. 1 0	P L O 2. 1 1	P L O 2. 1 2	P L O 2. 1 3	P L O 2. 1 4	P L O 3. 1	P L O 3. 2	P L O 3. 3	P L O 3. 4	P L O 3. 5	P L O 3. 6			
17	1YS501 GHQ	Sinh cơ Thể dục thể thao	0	0	2	0	2	0	0	0	0		2	0	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	2
18	1TL204	Văn hóa thể thao																																
	III.Tự chọn 2 (10/30 tín chỉ)																																	
19	1BR007 GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	0	1	0	1	1	1	2	
20	1VO007 GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	0	1	0	1	1	1	2	
21	1QV007 GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	0	1	0	1	1	1	2	
22	1BĐ007 GYQ	Lý luận và phương pháp	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	0	1	0	1	1	1	2	

TT	Học phần		Chuẩn đầu ra																													
			Kiến thức									Kĩ năng													Mức độ tự chủ và trách nhiệm							
	Mã HP	Tên Hp	P L O 1. 1	P L O 1. 2	P L O 1 3	P L O 1. 4	P L O 1. 5	P L O 1. 6	P L O 1. 7	P L O 1. 8	P L O 1. 9	P L O 2. 1	P L O 2. 2	P L O 2. 3	P L O 2. 4	P L O 2. 5	P L O 2. 6	P L O 2. 7	P L O 2. 8	P L O 2. 9	P L O 2. 0	P L O 2. 1	P L O 2. 2	P L O 2. 3	P L O 2. 4	P L O 3. 1	P L O 3. 2	P L O 3. 3	P L O 3. 4	P L O 3. 5	P L O 3. 6	
		giảng dạy Bóng đá																														
23	1BC007 GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2	
24	1GO007 GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2	
25	1BB007 GYH	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2	
26	1BN007 GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2	
27	1CL007 GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2	

TT	Học phần		Chuẩn đầu ra																														
			Kiến thức									Kĩ năng															Mức độ tự chủ và trách nhiệm						
	Mã HP	Tên Hp	P L O 1. 1	P L O 1. 2	P L O 1 3	P L O 1. 4	P L O 1. 5	P L O 1. 6	P L O 1. 7	P L O 1. 8	P L O 1. 9	P L O 2. 1	P L O 2. 2	P L O 2. 3	P L O 2. 4	P L O 2. 5	P L O 2. 6	P L O 2. 7	P L O 2. 8	P L O 2. 9	P L O 2. 0	P L O 2. 1	P L O 2. 2	P L O 2. 3	P L O 2. 4	P L O 3. 1	P L O 3. 2	P L O 3. 3	P L O 3. 4	P L O 3. 5	P L O 3. 6		
		lông																															
28	1CV007 GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	0	1	0	1	1	2	
29	1TD007 GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc vũ đạo	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	0	1	0	1	1	2	
30	1BS007 GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	0	1	0	1	1	2	
31	1VA007 GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	0	1	0	1	1	2	
32	1BĐ008 GQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Đá cầu	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	0	1	0	1	1	2	

TT	Học phần		Chuẩn đầu ra																												
			Kiến thức									Kĩ năng													Mức độ tự chủ và trách nhiệm						
	Mã HP	Tên Hp	P L O 1. 1	P L O 1. 2	P L O 1 3	P L O 1. 4	P L O 1. 5	P L O 1. 6	P L O 1. 7	P L O 1. 8	P L O 1. 9	P L O 2. 1	P L O 2. 2	P L O 2. 3	P L O 2. 4	P L O 2. 5	P L O 2. 6	P L O 2. 7	P L O 2. 8	P L O 2. 9	P L O 2. 0	P L O 2. 1	P L O 2. 2	P L O 2. 3	P L O 2. 4	P L O 3. 1	P L O 3. 2	P L O 3. 3	P L O 3. 4	P L O 3. 5	P L O 3. 6
33	1BS008 GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy môn Thể thao dân tộc	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2
C	Các môn kiến thức ngành																														
	Chuyên ngành Quản lý TDTT																														
	I. Bắt buộc																														
1	1QL214 Q	Văn bản lưu trữ	1	1	0	2	2	0	2	2	1	1	2	3	1	2	2	2	1	1	2	1	0	0	0	0	2	2	2	1	1
2	1QL210 Q	Kế hoạch hóa Thể dục thể thao	0	0	2	3	2	0	2	3	3	2	3	0	2	2	3	3	2	1	2	2	1	0	0	0	2	0	2	2	3
3	1QL208 Q 1QL209 Q	Khoa học quản lý	1	1	2	3	2	0	0	2	1	2	2	1	1	1	2	1	2	1	1	2	1	0	0	1	2	0	1	2	2

TT	Học phần		Chuẩn đầu ra																															
			Kiến thức									Kĩ năng															Mức độ tự chủ và trách nhiệm							
	Mã HP	Tên Hp	P L O 1. 1	P L O 1. 2	P L O 1 3	P L O 1. 4	P L O 1. 5	P L O 1. 6	P L O 1. 7	P L O 1. 8	P L O 1. 9	P L O 2. 1	P L O 2. 2	P L O 2. 3	P L O 2. 4	P L O 2. 5	P L O 2. 6	P L O 2. 7	P L O 2. 8	P L O 2. 9	P L O 2. 10	P L O 2. 11	P L O 2. 12	P L O 2. 13	P L O 2. 14	P L O 3. 1	P L O 3. 2	P L O 3. 3	P L O 3. 4	P L O 3. 5	P L O 3. 6			
4		Quản lý Thể dục thể thao																																
4.1	1QL203 G	Quản lý TDDT quần chúng	1	2	3	3	2	1	3	3	3	2	3	2	3	3	3	3	3	2	2	3	3	0	0	2	2	2	2	2	2	3		
4.2	1QL204 H	Quản lý TTTT cao	1	2	3	3	2	1	3	3	3	2	3	2	3	3	3	3	3	2	2	3	3	0	0	2	2	2	2	2	2	3		
5	1QL305 Q 1QL306 Q	Xã hội học Thể dục thể thao	1	2	2	2	2	0	1	1	2	2	2	1	2	2	2	1	2	1	1	1	1	0	0	1	1	0	2	1	2			
6	1QL302 Q 1QL303 Q	Kinh tế học Thể dục thể thao	0	3	2	2	1	0	1	1	1	2	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1	1	0	0	1	1	0	0	1	2			
7	1QL309 Q	Báo chí và truyền thông Thể thao	0	1	0	2	1	0	1	1		2	1	1	2	2	2	1	1	2	1	2	2	0	0	2	1	1	2	1	3			
II.Tự chọn (14/22 tín chỉ)																																		
8	1QL307 Q	Marketing Thể thao	0	3	2	2	1		1	1	1	2	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1	1	0	0	1	1	0	0	1	2			

TT	Học phần		Chuẩn đầu ra																												
			Kiến thức									Kĩ năng													Mức độ tự chủ và trách nhiệm						
	Mã HP	Tên Hp	P L O 1. 1	P L O 1. 2	P L O 1 3	P L O 1. 4	P L O 1. 5	P L O 1. 6	P L O 1. 7	P L O 1. 8	P L O 1. 9	P L O 2. 1	P L O 2. 2	P L O 2. 3	P L O 2. 4	P L O 2. 5	P L O 2. 6	P L O 2. 7	P L O 2. 8	P L O 2. 9	P L O 2. 0	P L O 2. 1	P L O 2. 2	P L O 2. 3	P L O 2. 4	P L O 3. 1	P L O 3. 2	P L O 3. 3	P L O 3. 4	P L O 3. 5	P L O 3. 6
9	1QL218 Q	Tổ chức quản lý thi đấu Thể dục thể thao	0	1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	2	3	3	3	1	3	2	2	2	1	0	0	1	2	2	2	2	3
10	1QL215 Q/ 1QL217 Q	Quản lý Thể dục thể thao giải trí	0	2	2	2	1	2	3	2	3	2	3	1	2	3	2	1	1	1	2	2	2	0	0	1	2	1	2	2	3
11	1QL207 Q	Quản lý sân bãi, công trình Thể dục thể thao	0	1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	2	3	3	3	1	3	2	2	2	1	0	0	1	2	2	2	2	3
12	1QL102 Q	Pháp lý Thể dục thể thao	0	1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	2	3	3	3	1	3	2	2	2	1	0	0	1	2	2	2	2	3
13	1QL103 HYQ	Đường lối Thể dục thể thao của Đảng cộng sản Việt Nam	0	2	2	2	1	2	3	2	3	2	3	1	2	3	2	1	1	1	2	2	2	0	0	1	2	1	2	2	3
14	1DC106 Q	Tin học trong quản lý	0	1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	2	3	3	3	1	3	2	2	2	1	0	0	1	2	2	2	2	3

TT	Học phần		Chuẩn đầu ra																												
			Kiến thức									Kĩ năng													Mức độ tự chủ và trách nhiệm						
	Mã HP	Tên Hp	P L O 1. 1	P L O 1. 2	P L O 1. 3	P L O 1. 4	P L O 1. 5	P L O 1. 6	P L O 1. 7	P L O 1. 8	P L O 1. 9	P L O 2. 1	P L O 2. 2	P L O 2. 3	P L O 2. 4	P L O 2. 5	P L O 2. 6	P L O 2. 7	P L O 2. 8	P L O 2. 9	P L O 2. 0	P L O 2. 1	P L O 2. 2	P L O 2. 3	P L O 2. 4	P L O 3. 1	P L O 3. 2	P L O 3. 3	P L O 3. 4	P L O 3. 5	P L O 3. 6
15	1DC105 Q	Toán kinh tế	0	2	2	2	1	2	3	2	3	2	3	1	2	3	2	1	1	1	2	2	2	0	0	1	2	1	2	2	3
D	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp																														
1	1TT001	Thực tập nghiệp vụ lần 1	1	1	2	2	3	1	2	3	3	3	3	2	2	3	3	1	1	3	2	2	2	0	0	2	3	3	3	3	3
2	1TT002	Thực tập nghiệp vụ lần 2	1	1	2	2	3	1	2	3	3	3	3	2	2	3	3	1	1	3	2	2	2	0	0	2	3	3	3	3	3
3	1LV001	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế	2	2	3	3	2	1	1	2	3	3	2	2	1	2	2	1	1	2	1	2	3	0	0	2	3	2	3	3	3
	Học phần chuyên môn thay thế:																														
1	1QL206 Q	Quản lý hoạt động thể dục	1	2	3	3	2	1	3	3	3	2	3	2	3	3	3	3	3	2	2	3	3	0	0	2	2	2	2	2	3

2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa

Học kỳ I

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT	HP tiên quyết
Bắt buộc			9				
1	1ĐC301	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	2	28	2	0	
2	1ĐC201	Ngoại ngữ	3	13	24	8	
3	1TD007GY Q	Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục	2	0	60	0	
4	1QL208Q	Khoa học quản lý	2	25	5	0	

Học kỳ II

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT	HP tiên quyết
Bắt buộc			18				
1	1ĐC302	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	3	42	3	0	
2	1ĐC202	Ngoại ngữ	3	13	24	8	
3	1QL201	Quản lý hành chính nhà nước	2	22	8	0	
4	1QL101	Pháp luật đại cương	2	20	7	3	
5	1YS701	Giải phẫu Thể dục thể thao	2	24	6	0	
6	1ĐK007GY Q	Lý luận và phương pháp giảng dạy Điện kinh	2	6	54	0	
7	1QL210Q	Kế hoạch hóa Thể dục thể thao	2	17	13	0	
8	1QL209Q	Khoa học quản lý	2	21	9	0	
Tự chọn							
9	1YS201	Vệ sinh Thể dục thể thao	2	30	0	0	

Học kỳ III

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT	HP tiên quyết
Bắt buộc			15				
1	1ĐC303	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	3	37	8	0	1ĐC301/ 1ĐC302
2	1ĐC304	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	28	0	2	1ĐC302
3	1TL101	Tâm lý học đại cương	2	24	6	0	
4	1ĐC101	Thống kê toán học	2	20	0	10	
5	1BL007GY Q	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội	2	0	60	0	
6	1QL203G	Quản lý TDTT quần chúng	2	19	11	0	1QL208Q /

							1QL209Q
7	1QL204H	Quản lý TTTT cao	2	20	10	0	1QL208Q / 1QL209Q
Tự chọn			0				

Học kỳ IV

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT	HP tiên quyết
Bắt buộc			9				
1	1TL201	Giáo dục học đại cương	2	30	0	0	
2	1ĐC106	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	26	4	0	1ĐC101
3	1QL302Q	Kinh tế học Thể dục thể thao	2	20	10	0	1QL208Q / 1QL209Q
4	1QL309Q	Báo chí và truyền thông Thể thao	3	30	15	0	1QL203G 1QL204H
Tự chọn			5				
5	1BR007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	2	15	30	0	
6	1QL215Q	Quản lý Thể dục thể thao giải trí	3	12	33	0	1QL208Q / 1QL209Q

Học kỳ V

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT	HP tiên quyết
Bắt buộc			9				
1	1TL102HYQ	Tâm lý học Thể dục thể thao	2	30	0	0	1TL101
2	1YS301	Sinh lý Thể dục thể thao	2	30	0	0	1YS701
3	1QL303Q	Kinh tế học Thể dục thể thao	2	20	10	0	1QL208Q / 1QL209Q
4	1TT001	Thực tập nghiệp vụ lần 2	3				
Tự chọn			13				
5	1LL001GYQ	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất	2				
6	1ĐC102	Đo lường Thể thao	2	18	12	0	1ĐC101
7	1QV007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	2	15	30	0	
8	1BĐ007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	2	5	40	0	
9	1GO007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	2	15	30	0	
10	1QL215Q	Quản lý Thể dục thể thao giải trí	3	12	33	0	1QL208Q / 1QL209Q

Học kỳ VI

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH / X M	BT	HP tiên quyết
Bắt buộc			8				
1	1ĐC103	Tin học đại cương	2	2	28	0	
2	1TL202HYQ	Giáo dục học Thể dục thể thao	2	24	6	0	1TL201
3	1YS302	Sinh lý Thể dục thể thao	2	30	0	0	
4	1QL305Q	Xã hội học Thể dục thể thao	2	18	8	4	1QL208Q/ 1QL209Q
Tự chọn			9				
5	1LL002GYQ	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất	2	30	0	0	
6	1VO007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	2	15	30	0	
7	1BC007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyên	2	15	30	0	
8	1QL218Q	Tổ chức quản lý thi đấu Thể thao	3	20	10	0	1QL210Q

Học kỳ VII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH / X M	BT	HP tiên quyết
Bắt buộc			9				
1	1TL104Q	Tâm lý học quản lý	2	22	8	0	1TL101
2	1QL306Q	Xã hội học Thể dục thể thao	2	18	8	4	1QL208Q / 1QL209Q
3	1TT002	Thực tập nghiệp vụ lần 2	5				
Tự chọn			6				
4	1YS101	Y học Thể dục thể thao	3	45	0	0	1YS701
5	1QL307Q	Marketing Thể thao	3	29	16	0	1QL302Q / 1QL303Q

Học kỳ VIII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH / X M	BT	HP tiên quyết
Bắt buộc			8				
1	1QL214Q	Văn bản lưu trữ	2	16	14	0	1QL201

2	1LV001	Khóa luận tốt nghiệp hoặc	6				
Tự chọn			3				
3	1QL207Q	Quản lý sân bãi, công trình Thể dục thể thao	3	25	20	0	1QL210Q
<i>học phần chuyên môn thay thế</i>							
1	1QL206Q	Quản lý hoạt động thể dục thể thao xã hội	3	30	15	0	
2	1QL2010Q	Khoa học quản lý	3	33	12	0	

2.4. Tóm tắt các học phần

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (5 tín chỉ)

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin thuộc khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin. Từ đó, xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để sinh viên tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo. Trang bị cho sinh viên những kiến thức LLCT cơ bản góp phần thực hiện mục tiêu chung của Đảng và nhà nước cũng như con đường đi lên CNXH ở Việt nam hiện nay. Giúp người học nhận thức đúng đắn về con đường đi lên CNXH mà đảng ta và Chủ tịch HCM đã lựa chọn, từ đó tin tưởng hơn vào sự lãnh đạo của Đảng, sống và làm việc tuân thủ pháp luật.

2. Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những nội dung chính về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương: Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lý luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng

dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

4. Ngoại ngữ(6 tín chỉ)

Học phần ngoại ngữ cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

5. Tin học đại cương(tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính, xử lý lỗi cơ bản của máy tính, hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide, định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin, một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

6. Tâm lý học đại cương(2tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung của tâm lý học, về những cơ sở tự nhiên và xã hội của hoạt động tâm lý, giúp sinh viên nắm được bản chất của sự hình thành tâm lý, ý thức của con người. Học phần còn giới thiệu quy luật của các hoạt động nhận thức và vai trò của nhận thức đối với sự phát triển tâm lý - ý thức của nhân cách. Qua đó giúp sinh viên nắm được đặc điểm, bản chất về cấu trúc nhân cách, các phẩm chất nhân cách và sự hình thành và phát triển nhân cách làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy và giáo dục trong quá trình sư phạm

7. Giáo dục học đại cương(2tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên nắm được: Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, là một khoa học có đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển,

hệ thống khái niệm riêng. Vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ của giáo dục nước ta hiện nay, các con đường để thực hiện giáo dục. Học phần còn giáo dục sinh viên có tình cảm, ý thức trách nhiệm với việc học tập cũng như công tác sau này.

8. Thống kê toán học(2 tín chỉ)

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về xác suất: Hoán vị, tổ hợp; Định nghĩa xác suất cổ điển; Dãy phép thử; Đại lượng ngẫu nhiên; Hàm phân bố; Các số đặc trưng; Thống kê; Lý thuyết mẫu; Ước lượng; Bài toán kiểm định giả thiết đơn giản; Hồi quy và tương quan.

9. Phương pháp nghiên cứu khoa học(2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những thông tin, những kiến thức cơ bản, trong nghiên cứu khoa học, những kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thực nghiệm và cách trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu ý nghĩa của công tác nghiên cứu khoa học, có kỹ năng phát hiện và lựa chọn và tổ chức, triển khai các nội dung nghiên cứu. Hình thành ý thức học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, độc lập, luôn có ý thức học hỏi, phê phán đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân. Hình thành tính trung thực trong học tập và trong công tác nghiên cứu khoa học sau này.

10. Quản lý hành chính nhà nước(2 tín chỉ)

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về những vấn đề chung của Nhà nước trên tất cả các mặt quan trọng như: quản lý hành chính Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý quốc phòng - an ninh, tôn giáo, dân tộc và niềm núi, dân số, lao động, tài nguyên và môi trường, với các lĩnh vực quan trọng khác của đời sống xã hội như: giáo dục - đào tạo, văn hóa, y tế và TDTT.

11. Pháp luật đại cương(2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3,4,5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam.

12. Tâm lý học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản có chọn lọc về đặc điểm, bản chất và các quy luật của các hoạt động tâm lý trong lĩnh vực TDTT làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy, huấn luyện và thi đấu TDTT. Qua đó góp phần hình thành

kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề tâm lý nảy sinh trong giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Đồng thời góp phần hình thành những phẩm chất nhân cách cần thiết của người cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên thể thao.

13. Giáo dục học Thể dục thể thao(2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Kiến thức cơ bản về đặc điểm, bản chất, quy luật của quá trình sư phạm trong TDDT nói chung và quá trình giáo dục trong hoạt động TDDT nói riêng. Mục đích, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức của quá trình giáo dục các phẩm chất đạo đức - nhân cách cho người tập. Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn công tác sau khi ra trường. Học phần cũng giáo dục ý thức trách nhiệm, tình yêu nghề nghiệp, bồi dưỡng kinh nghiệm và năng lực sư phạm cho sinh viên.

14. Sinh lý Thể dục thể thao(2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chức năng và cơ chế hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người ở điều kiện bình thường và những biến đổi ở các cơ quan dưới tác động của các hoạt động TDDT, từ đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và ứng dụng các kiến thức về sinh lý học TDDT vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, tập luyện thể thao sau này để nâng cao trình độ thể lực và thành tích thi đấu.

15. Giải phẫu Thể dục thể thao(2 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về cấu tạo các cơ quan, các cơ chế, các quá trình sinh lý diễn ra ở các mức độ từ tế bào đến cơ thể của người. Mặt khác học phần còn cung cấp vai trò và hệ thống thần kinh và sự phát triển của các hệ cơ, xương, khớp trong cơ thể cũng như ảnh hưởng của các bài tập thể dục thể thao đến chức năng sinh lý trong cơ thể, để đảm bảo sự thống nhất trong nội bộ cơ thể như giữa cơ thể với môi trường và tác động của hoạt động thể dục thể thao lên cơ thể.

16. Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền kinh(2 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 thuộc thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh (chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa) có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực. Môn Điền kinh trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn điền kinh.

17. Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục(2 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Thể dục là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không, bài tập phát triển

chung với dụng cụ. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn Thể dục, phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khỏe hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.

18. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội(2 tín chỉ)

Bơi lội là môn thể thao cơ bản trong chương trình GDTC nhằm trang bị cho Sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bơi lội như: phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài cách phòng chống đuối nước ,Giới thiệu nguồn gốc, lịch sử, xu hướng phát triển của môn Bơi lội và tác dụng của nó đến người học, thông qua học phần rèn luyện sức khỏe, phát triển tố chất thể lực, tầm vóc và phẩm chất , tâm lý tốt nhất cho người học. hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, tự tin, vượt khó, tính kỷ luật, yêu thích vận động, có lòng yêu thương và hợp tác với nhau.

19. Tâm lý học quản lý(2 tín chỉ)

Học phần Tâm lý học quản lý trang bị kiến thức cơ bản về tâm lý học quản lý cho sinh viên ngành quản lý TDDT như: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu tâm lý quản lý. Bản chất con người và một số quy luật tình cảm của con người. Tập thể và một số quy luật tâm lý tập thể. Lãnh đạo và tâm lý của lãnh đạo trong công tác quản lý. Giao tiếp trong quản lý.

20. Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất (4 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học TDDT như khái niệm, vai trò của TDDT, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy,... Hình thành kỹ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong TDDT.

21. Vệ sinh Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và vệ sinh trong luyện tập TDDT, tính chất và sự chuyển hóa các phân tử trong cơ thể sống; nguyên tắc vệ sinh tập luyện và thi đấu một số môn thể thao. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất và tập luyện TDDT.

22. Y học Thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Kiến thức cơ bản cần thiết, thực dụng nhất có liên quan tới vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và vệ sinh tập luyện. Kiến thức và phương pháp để bước đầu đề phòng và xử lý các trường hợp xấu do tập luyện thiếu khoa học gây ra. Biết vận dụng phương pháp luyện tập để giữ gìn sức khỏe, tăng tuổi

thọ. Biết vận dụng các kiến thức y học vào công tác NCKH TDTT. Biết cách phân bố thời gian tập luyện thích hợp, ngăn ngừa các chấn thương và bệnh tật xảy ra, biết tổ chức và chăm sóc cuộc sống của cá nhân và tập thể một cách hợp lý, khoa học.

23. Đo lường Thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Những kiến thức và phương pháp cơ bản về đo lường để áp dụng vào học tập và NCKH trên lĩnh vực TDTT như test, độ tin cậy, tính thông báo, tính đánh giá, tiêu chuẩn...Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học vào học tập, NCKH và công tác. Góp phần rèn luyện cho sinh viên tính khoa học, hệ thống, tư duy logic.

24. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; một số điều luật và các kỹ thuật, chiến thuật thi đấu; phương pháp trọng tài. Thực hành các kỹ thuật: các bước di chuyển trong bóng rổ; dẫn bóng; kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực; kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay dưới thấp; kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người; chiến thuật tấn công nhanh; chiến thuật phòng thủ khu vực; phương pháp lên lớp; phương pháp thi đấu và thực hành trọng tài.

25. Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên có đủ khả năng thực hành các phương pháp chuyên môn trong giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng vận động quần chúng và chỉ đạo, tổ chức xây dựng phong trào cơ sở.

26. Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn Quần vợt, nắm chắc những điều luật cơ bản trong thi đấu. Trang bị các phương pháp chuyên môn trong giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng vận động quần chúng và chỉ đạo, tổ chức xây dựng phong trào cơ sở.

27. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

28. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn bóng chuyền và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật về phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài bóng chuyền. Hình thành các động tác kỹ thuật cơ bản chơi bóng chuyền. Phát triển năng lực vận động ; biết vận dụng hiểu biết, kỹ thuật động tác vào thi đấu với các loại hình chiến thuật khác nhau. Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học. Biết hướng dẫn luyện tập và biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.

29. Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn Golf, nắm chắc những điều luật cơ bản trong thi đấu. Trang bị các phương pháp chuyên môn trong tổ chức tập luyện, theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng hỗ trợ, giúp đỡ người tập tại các sân tập, câu lạc bộ.

30. Văn bản lưu trữ (2 tín chỉ)

Nội dung của môn học này gồm hai phần kiến thức có mối liên quan chặt chẽ với nhau. Phần 1 cung cấp những kiến thức khái quát về văn bản hành chính (khái niệm, chức năng, thể thức, phương pháp soạn thảo,...) và giới thiệu các hình thức chủ yếu trong hệ thống văn bản hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Phần 2 cung cấp kiến thức về tài liệu lưu trữ (khái niệm, ý nghĩa, tác dụng, phân loại, xác định giá trị) và hệ thống lưu trữ, công tác lưu trữ trong các cơ quan Nhà nước hiện nay.

31. Kế hoạch hóa Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Môn học Kế hoạch hóa nhằm trang bị cho người học những cơ sở lý luận của công tác kế hoạch như mục đích, nguyên tắc, phương pháp, chế độ, phân cấp, nội dung, chỉ tiêu, trình tự và quy trình lập kế hoạch. Từ đó giúp người học hình thành kỹ năng xây dựng và triển khai một kế hoạch chiến lược, một đề án hoặc một kế hoạch hành động công tác năm...

32. Khoa học quản lý (4 tín chỉ)

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý và khoa học quản lý, giúp sinh viên nắm bắt và vận dụng những kiến thức khoa học quản lý vào thực tiễn để đáp ứng những yêu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội. Giúp cho sinh viên có sự hiểu biết và nắm vững những kiến thức lý luận về khoa học quản lý để vận dụng vào thực tiễn. Giúp cho sinh viên có điều kiện dễ dàng tiếp cận với các môn học khác có liên quan trong khối kiến thức chuyên ngành.

33. Quản lý TDTT quần chúng (2 tín chỉ)

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý và quản lý thể dục thể thao, trên cơ sở đó giúp cho sinh viên tìm hiểu những vấn đề trong quản lý lĩnh vực thể dục thể thao quần chúng. Qua những kiến thức cơ bản này giúp

sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức trong thực tiễn công tác giáo dục thể chất cũng như công tác tổ chức quản lý phong trào thể dục thể thao sau này.

34. Quản lý TTTT cao (2 tín chỉ)

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý và quản lý thể dục thể thao, trên cơ sở đó giúp cho sinh viên tìm hiểu những vấn đề trong quản lý lĩnh vực thể thao thành tích cao. Qua những kiến thức cơ bản này giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức quản lý trong thực tiễn công tác huấn luyện cũng như công tác đào tạo vận động viên sau này.

35. Xã hội học Thể dục thể thao (4 tín chỉ)

Xã hội học TDTT là khoa học nghiên cứu mối quan hệ giữa TDTT và xã hội cũng như các vấn đề xã hội nội hàm trong lĩnh vực TDTT (quan hệ xã hội, chức năng xã hội, kết cấu xã hội, quá trình xã hội ...) Môn học cung cấp cho người học cơ sở lý luận cơ bản của Xã hội học TDTT bao gồm những kiến thức chung về mối quan hệ giữa TDTT với xã hội, các chức năng xã hội của TDTT, cấu trúc xã hội của TDTT, phân tích xã hội học các lĩnh vực TDTT cụ thể, những khái niệm về lối sống lành mạnh, về chủ trương xã hội hóa TDTT... Từ đó giúp hình thành thế giới quan đúng đắn về giá trị của TDTT, bồi dưỡng nâng cao tình yêu nghề nghiệp.

36. Kinh tế học Thể dục thể thao (4 tín chỉ)

Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong kinh tế, thị trường, cung cầu trên thị trường, thể thao và kinh tế. Đồng thời nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong kinh tế vĩ mô, kinh tế thể thao, cung ứng hàng hóa TDTT. Từ đó, giúp người học có khả năng ứng dụng trong thực tiễn công tác quản lý TDTT nói chung và quản lý thị trường TDTT nói riêng.

37. Báo chí và truyền thông Thể thao (3 tín chỉ)

Báo chí và truyền thông Thể thao là môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vai trò, chức năng, tính chất đặc thù của báo chí nói chung cũng như trong lĩnh vực TDTT nói riêng, phương pháp và cách thức giao thiệp với giới truyền thông, cách thức tận dụng truyền thông để PR cho các sự kiện TDTT, để tuyên truyền - nâng cao vai trò, giá trị của TDTT. Ngoài ra, Quản lý báo chí TDTT cũng trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về phương pháp - cách thức đưa tin - viết bài về các sự kiện TDTT.

38. Marketing Thể thao (3 tín chỉ)

Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản về marketing, marketing thể thao, thị trường, chiến lược marketing, khách hàng cũng như những vấn đề về quản lý các dịch vụ thể thao. Từ đó, giúp người học có khả năng ứng dụng trong thực tiễn công tác quản lý TDTT nói chung và quản lý thị trường TDTT nói riêng.

39. Tổ chức quản lý thi đấu Thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý thi đấu thể dục thể thao, như: đại cương về thi đấu thể thao, tổ chức, quy tắc và phương pháp tổ chức quản lý công tác thi đấu TDTT... trên cơ sở đó giúp cho sinh viên tìm hiểu những vấn đề cơ bản trong công tác tổ chức quản lý thi đấu thể dục thể thao và vận dụng trong thực tiễn công tác sau này.

40. Quản lý Thể dục thể thao giải trí (6 tín chỉ)

Môn học Quản lý thể thao giải trí trang bị sinh viên về những vấn đề cơ bản liên quan đến thể thao giải trí cũng như xu hướng phát triển của các môn thể thao giải trí trong tương lai, đặc biệt sinh viên sẽ được tìm hiểu những vấn đề cơ bản nhất của thể thao giải trí – một lĩnh vực có khả năng phát triển rất mạnh trong tương lai ở các nước nói chung và Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở những hiểu biết về môn học Quản lý thể thao giải trí sinh viên sau này sau khi ra trường có thể tự mình vận dụng sang tạo những kiến thức đã học vào vị trí công việc của mình hoặc tiến hành mở các trung tâm giải trí với các môn thể thao giải trí phù hợp với từng địa phương.

41. Quản lý sân bãi, công trình Thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Học phần quản lý sân bãi, công trình TDTT bao gồm những nội dung cơ bản của quản lý TDTT, cụ thể là giới thiệu tính tổng thể của TDTT trong đó có cơ sở vật chất của TDTT; những vấn đề quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất - kỹ thuật TDTT, như: quy hoạch đất đai cho TDTT, thiết kế xây dựng công trình TDTT, quy hoạch mạng lưới công trình TDTT...

42. Thực tập nghiệp vụ lần 1 (3 tín chỉ)

Tìm hiểu, trực tiếp làm quen với điều kiện thực tiễn để sinh viên có hướng rèn luyện làm quen với thực tiễn hoạt động của các phòng, trung tâm, các Sở Văn hoá, Thể thao & Du lịch. Qua công tác thực tập nghiệp vụ lần 1 sẽ bồi dưỡng cho sinh viên tình yêu ngành nghề, ý thức trách nhiệm, tính tổ chức kỷ luật trong công tác chuyên môn.

43. Thực tập nghiệp vụ lần 2 (5 tín chỉ)

Tìm hiểu, làm quen với điều kiện thực tiễn ở cơ sở để sinh viên có hướng rèn luyện, học tập và hoàn thiện các nghiệp vụ chuyên môn về TDTT. Giúp sinh viên củng cố và vận dụng kiến thức chuyên môn đã học vào thực tiễn phong trào TDTT cơ sở, hình thành kỹ năng hoạt động chuyên môn. Bồi dưỡng tình yêu ngành nghề cho sinh viên, ý thức trách nhiệm, tính tổ chức kỷ luật của người cán bộ TDTT, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, trang bị kỹ năng tổ chức các hoạt động nghiệp vụ TDTT ở cơ sở.

44. Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)

Trong học kỳ cuối, sinh viên thực hiện nghiên cứu một đề tài nhỏ dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên có những kỹ năng nghiên cứu khoa học, có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến

thức chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ thay thế cho kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên.

45. Quản lý hoạt động thể dục thể thao xã hội(3 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng chỉ đạo, tổ chức các hoạt động TDTT cho nông dân, cho công nhân viên chức và người khuyết tật nhằm hoàn thiện năng lực quản lý tổng hợp của người cán bộ trong tương lai hoạt động trong lĩnh vực này.

46. Khoa học quản lý(3 tín chỉ)

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý và khoa học quản lý, giúp sinh viên nắm bắt và vận dụng những kiến thức khoa học quản lý vào thực tiễn để đáp ứng những yêu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội. Giúp cho sinh viên có sự hiểu biết và nắm vững những kiến thức lý luận về khoa học quản lý để vận dụng vào thực tiễn. Giúp cho sinh viên có điều kiện dễ dàng tiếp cận với các môn học khác có liên quan trong khối kiến thức chuyên ngành. Trang bị những kỹ năng cần thiết cho cán bộ TDTT.

2.5. Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo, chương trình dạy học: Tháng 9 năm 2021